TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28-02-2022.
V/v "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - xin ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Ông **Trịnh Hữu Chinh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Phước Tâm**

2. Bà **Võ Thị Điệp**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Hồ Thị Đào** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 28 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 334/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2021 về việc "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - xin ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung"*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên toà số 37/2022/QĐST – HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Trần Văn N**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Tổ A, ấp C, xã Tân N, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: **Nguyễn Thị Mỹ C**, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Tổ A, ấp C, xã Tân N, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh N có mặt; chị C vắng mặt theo Quyết định tuyết bố mất tích số: 10/2021/QĐDS-ST ngày 21/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện CL)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Trần Văn N trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Mỹ C tự tìm hiểu và tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân N, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 02/6/2008. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc nhưng một thời gian sau thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm trong cuộc sống, không còn quan tâm lẫn nhau, đến năm 2015 thì chị C bỏ nhà đi nên vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Anh và gia đình không biết chị C đi đâu, nơi cư trú cuối cùng của chị C trước khi bỏ nhà đi là tổ A, ấp C, xã Tân N, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp. Do chị C bỏ nhà đi mà không có tin tức nên anh đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố chị C mất tích. Sau khi thụ lý, Tòa án đã có thông báo trên các Báo và Đài phát thanh Trung ương nhưng vẫn không thấy tin tức của chị C ở đâu. Ngày 21/5/2021, Tòa án nhân dân huyện CL đã ban hành Quyết định số 10/2021/QĐDS-ST về việc tuyên bố chị Nguyễn Thị Mỹ C mất tích. Đồng thời, kể từ khi có Quyết định của Tòa án tuyên bố chị Nguyễn Thị Mỹ C mất tích đến nay anh cũng không thấy chị C trở về. Nay do tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị C.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Thị Kim Y (Trần Kim Y) và hiện nay đang sống với chị C. Khi ly hôn, anh đồng ý để cho chị C được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Kim Y, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với chị Nguyễn Thị Mỹ C do đã bỏ đi và đã có Quyết định tuyên bố mất tích nên Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh không thể triệu tập để lấy lời khai và hòa giải được.

**** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:***

- Giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của anh N (Bản photo);
- Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính);
- Giấy khai sinh tên Trần Thị Kim Y (bản photo);
- Quyết định tuyết bố mất tích số: 10/2021/QĐDS-ST ngày 21/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện CL (bản chính);

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Căn cứ vào đơn yêu cầu ly hôn của anh Trần Văn N về việc yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Mỹ C, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - xin ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung"*.

[2] Về thẩm quyền, xét thấy: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn và nuôi con giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn là chị Nguyễn Thị Mỹ C có nơi cư trú cuối cùng trước khi bỏ nhà đi là tổ A, ấp C, xã Tân N, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng, xét thấy: Đối với bị đơn là chị Nguyễn Thị Mỹ C do đã bỏ đi và đã có Quyết định tuyên bố mất tích của Tòa án, nên xét xử vắng mặt chị C theo quy định của pháp luật.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn, xét thấy: Anh N và chị Nguyễn Thị Mỹ C tự tìm hiểu và tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân N, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 02/6/2008 nên hôn nhân giữa anh N và chị C là hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc nhưng một thời gian sau thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không còn quan tâm lẫn nhau, đến năm 2015 thì chị C bỏ nhà đi nên vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Mặc khác, sau khi chị C bỏ nhà đi, anh N và gia đình không biết chị C đi đâu và cũng không có tin tức gì về chị C và ngày 21/5/2021 Tòa án nhân dân huyện CL đã ban hành Quyết định số 10/2021/QĐDS-ST về việc tuyên bố chị Nguyễn Thị Mỹ C mất tích. Kể từ khi có Quyết định của Tòa án tuyên bố chị C mất tích đến nay anh N cũng không thấy chị C trở về. Nay do tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh N yêu cầu được ly hôn với chị C là có căn cứ nên chấp nhận.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Thị Kim Y (Trần Kim Y), sinh ngày 28/4/2013, hiện cháu Kim Y đang sống với chị C. Khi ly

hôn, anh đồng ý để cho chị C được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Kim Y, anh không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, khi chị C bỏ đi có đưa cháu Trần Thị Kim Y (Trần Kim Y), sinh ngày 28/4/2013 đi theo và hiện đang sống với chị C; việc anh N đồng ý để cho chị C được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Kim Y, anh không cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với pháp luật nên chấp nhận. Anh N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, thì anh N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh N đã nộp theo biên lai số 0007053 ngày 16/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 68 của Bộ luật dân sự; các Điều 9, 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn N.

- Về hôn nhân: Anh Trần Văn N được ly hôn với chị Nguyễn Thị Mỹ C.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ C được tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Thị Kim Y (Trần Kim Y), sinh ngày 28/4/2013; anh N không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Anh Trần Văn N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh N đã nộp theo biên lai số 0007053 ngày 16/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

- Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn này được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS HCL;
- CCTHADS HCL;
- UBND xã Tân N;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ toạ phiên tòa

(đã ký)

Trịnh Hữu Chinh